

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ H.T
TỈNH T.N**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 26/2020/DS-ST
Ngày: 12/8/2020
V/v “*Tranh chấp hợp
đồng mua bán*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ H.T, TỈNH T.N

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Thành Diệp**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Lê Ngọc Trâm**

2. Ông **Huỳnh Quan Lộc**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông **Lưu Sử Ngọc Quân** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã H.T.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H.T:*** Bà **Nguyễn Lâm Thúy Vi** – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã H.T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 50/2020/TLST-DS, ngày 18 tháng 02 năm 2020, về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2020/QĐXXST-DS, ngày 29 tháng 6 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/QĐST-DS, ngày 23/7/2020 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Anh **H.T.P**, sinh năm 1985 (vắng mặt);

Trú tại địa chỉ: Số 4/1A, ấp T.T, xã T.H, thị xã H.T, tỉnh T.N.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Bà **Đương Mỹ Hạnh**, sinh năm 1960 (có mặt);

Trú tại địa chỉ: Số 117, đường Trần Hưng Đạo, Khu phố 3, Phường 2, thành phố T.N, tỉnh T.N (theo giấy ủy quyền ngày 17/2/2020).

- ***Bị đơn:*** Anh **V.V.T**, sinh năm 1972 (vắng mặt);

Chị **T.T.M**, sinh năm 1973 (vắng mặt);

Cùng trú tại địa chỉ: Tổ 14, ấp N.T, xã T.Đ, thị xã H.T, tỉnh T.N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 02 năm 2020 và các lời khai tại phiên sơ thẩm người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn – Bà Dương Mỹ Hạnh trình bày:

Ngày 08/10/2012 vợ chồng anh V.V.T và chị T.T.M có mua cám thức ăn chăn nuôi của anh H.T.P, đến ngày 30/7/2018 anh P và vợ chồng anh T, chị M chốt sổ mua bán cám thì vợ chồng anh T và chị M còn nợ anh P số tiền 52.805.000 đồng, sau đó anh P có đến nhà anh T và chị M đòi nhiều lần nhưng không trả. Nay anh P yêu cầu anh T và chị M cùng có nghĩa vụ trả số tiền là 52.805.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật, tính từ ngày 30/7/2018 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

- Bị đơn – anh V.V.T và chị T.T.M đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H.T phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi vào nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về người tham gia tố tụng, bà Hạnh có mặt, anh T và chị M vắng mặt.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán của anh H.T.P đối với anh V.V.T và chị T.T.M.

Buộc anh T và chị M cùng có nghĩa vụ trả nợ cho anh P số tiền gốc là 52.805.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Tính án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh V.V.T và chị T.T.M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh T và chị M vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T và chị M theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Anh V.V.T và chị T.T.M có nơi cư trú tại: Tổ 14, ấp N.T, xã T.Đ, thị xã H.T, tỉnh T.N, nên Tòa án nhân dân thị xã H.T thụ lý vụ án đúng theo quy định tại Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Ngày 08/10/2012, anh T và chị M có mua cám thức ăn chăn nuôi của anh P còn nợ số tiền 52.805.000 đồng chưa trả. Nay anh P yêu cầu anh T và chị M cùng có nghĩa vụ trả. Tòa án nhân dân thị xã H.T, tỉnh T.N xác định vụ án “Tranh chấp hợp đồng mua bán” theo quy định tại Điều 430 của Bộ luật Dân sự 2015.

Về nội dung:

[1] Ngày 08/10/2012 vợ chồng anh V.V.T và chị T.T.M có mua cám thức ăn chăn nuôi của anh H.T.P, đến ngày 30/7/2018 anh P và vợ chồng anh T, chị M chốt sổ mua bán cám thì vợ chồng anh T và chị M còn nợ anh P số tiền 52.805.000 đồng,

sau đó anh P có đến nhà anh T và chị M đòi nhiều lần nhưng không trả. Nay anh P yêu cầu anh T và chị M cùng có nghĩa vụ trả số tiền là 52.805.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật, tính từ ngày 30/7/2018 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của anh H.T.P thấy rằng: Ngày 08/10/2012 vợ chồng anh V.V.T và chị T.T.M có mua cám thức ăn chăn nuôi của anh P, đến ngày 30/7/2018 anh P và vợ chồng anh T, chị M chốt sổ mua bán cám thì vợ chồng anh T và chị M còn nợ anh P số tiền 52.805.000 đồng. Anh T và chị M đã được Tòa án tổng đạt các thủ tục hợp lệ để làm bản tự khai và hòa giải nhưng anh T và chị M không có mặt là từ bỏ quyền lợi của mình. Từ lời trình bày và sổ mua cám còn nợ của anh P cung cấp, có cơ sở xác định anh T và chị M còn nợ anh P số tiền 52.805.000 đồng. Nay anh P yêu cầu anh T và chị M cùng có nghĩa vụ trả số tiền gốc là 52.805.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật. Xét nghĩa vụ trả nợ thấy rằng anh T và chị M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho anh P. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của anh P. Buộc anh V.V.T và chị T.T.M cùng có nghĩa vụ trả cho anh H.T.P tiền nợ gốc và lãi suất được tính cụ thể như sau:

Từ ngày 30/7/2018 đến ngày 12/8/2020 là 24 tháng 13 ngày x 52.805.000 đồng x 0,83%/tháng = 10.708.000 đồng.

[3] Về án phí: Anh V.V.T và chị T.T.M phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 357, 430, 440 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán” của anh H.T.P đối với anh V.V.T và chị T.T.M.

Buộc anh T và chị M cùng có nghĩa vụ trả cho anh P số tiền 63.513.000 đồng (Sáu mươi ba triệu, năm trăm mười ba ngàn đồng). Trong đó tiền gốc là 52.805.000 đồng và 10.513.000 đồng lãi suất..

Kể từ ngày anh H.T.P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh V.V.T và chị T.T.M chưa thi hành xong khoản tiền nêu trên thì hàng tháng anh T và chị M còn phải trả cho anh P số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Anh V.V.T và chị T.T.M phải chịu 3.175.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho anh H.T.P 1.736.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008503, ngày 17/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H.T, tỉnh T.N.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án

dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho anh P biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh T.N trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T và chị M được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án, hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND TX. H.T;
- THADS TX. H.T;
- Lưu : Tập án;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

VÕ THÀNH DIỆP

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ H.T
TỈNH T.N**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Thị xã H.T, ngày 12 tháng 8 năm 2020

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào lúc.....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm 2020.

Tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã H.T, tỉnh T.N.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Thành Diệp**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Ngọc Trầm

2. Ông Huỳnh Quan Lộc

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 50/2020/TLST- DSST, ngày 18 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp về hợp đồng mua bán” giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **H.T.P**, sinh năm 1985 (vắng mặt);

Trú tại địa chỉ: Số 4/1A, ấp T.T, xã T.H, thị xã H.T, tỉnh T.N.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Bà **Dương Mỹ Hạnh**, sinh năm 1960 (có mặt);

Trú tại địa chỉ: Số 117, đường Trần Hưng Đạo, Khu phố 3, Phường 2, thành phố T.N, tỉnh T.N (theo giấy ủy quyền ngày 17/2/2020).

- *Bị đơn:* Anh **V.V.T**, sinh năm 1972 (vắng mặt);

Chị **T.T.M**, sinh năm 1973 (vắng mặt);

Cùng trú tại địa chỉ: Tổ 14, ấp N.T, xã T.Đ, thị xã H.T, tỉnh T.N.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH

CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

+ Ý kiến của Hội thẩm nhân dân Lê Ngọc Trầm:

Áp dụng Điều 357, 430, 440 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán” của anh H.T.P đối với anh V.V.T và chị T.T.M.

Buộc anh T và chị M cùng có nghĩa vụ trả cho anh P số tiền 63.513.000 đồng (Sáu mươi ba triệu, năm trăm mười ba ngàn đồng). Trong đó tiền gốc là 52.805.000 và 10.708.000 đồng lãi suất.

Kể từ ngày anh H.T.P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh V.V.T và chị T.T.M chưa thi hành xong khoản tiền nêu trên thì hàng tháng anh T và chị M còn phải trả cho anh P số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Anh V.V.T và chị T.T.M phải chịu 3.175.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho anh H.T.P 1.736.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008503, ngày 17/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H.T, tỉnh T.N.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh T.N trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Ý kiến của Hội thẩm nhân dân Huỳnh Quan Lộc: Thống nhất với ý kiến của Hội thẩm nhân dân Lê Ngọc Trầm.

Ý kiến của Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Thống nhất theo ý kiến của Hội thẩm nhân dân Lê Ngọc Trầm.

Kết quả biểu quyết 3/3 = 100%.

Nghị án kết thúc vào hồi.....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm 2020.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

